

Số: 56/2022/QĐST-HNGĐ

M, ngày 09 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 227/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1978.

Nơi đăng ký hộ khẩu Thường trú: Thôn N, xã T, huyện M, Thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Ông **Đoàn Văn L**, sinh năm 1975.

Nơi đăng ký hộ khẩu Thường trú: Thôn N, xã T, huyện M, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn L thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 07/1996, ngày 08/8/1996 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Hà Tây (Nay là Thành phố Hà N) cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn L không còn giá trị pháp lý.

2.2. *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn L đều xác nhận có 03 con chung là chị Đoàn Thị N1, sinh ngày 30/4/1997; chị Đoàn Thị Uyên, sinh ngày 02/10/1998 và cháu Đoàn Thị Anh T, sinh ngày 16/8/2012. Hiện nay chị N1 và chị Uyên đều đã trưởng thành, tự lập, có sức khỏe và khả năng nhận thức tốt nên các bên không có yêu cầu, đề nghị gì. Sau ly hôn giao cháu T cho bà H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành hoặc cho đến khi các bên có thỏa thuận khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có yêu cầu mới.

Ông Đoàn Văn L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

2.3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn L mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H chịu cả phần án phí thay cho ông L nên bà H phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận bà H đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 38702 ngày 15/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, Thành phố Hà N. Nay bà Nguyễn Thị H được hoàn lại 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hương